

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Công văn số 198/SVHTTDL-VP ngày 19/02/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính (137/137 thủ tục) thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và cơ quan có liên quan căn cứ quy trình tại Quyết định này, xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính tại phần mềm của Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trưởng Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC – VPCP (để b/c);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh VP, Phó CVP Bùi Quang Toàn;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm TH&CB tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Bộ phận Một cửa cấp huyện;
- Lưu: VT, KSTT (Ng.24b)

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Quang

Phụ lục 01
QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN
CƠ CHẾ MỘT CỬA THUỘC THẨM QUYỀN CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH,
UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ TỈNH HÒA BÌNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **359/QĐ-UBND** ngày **27** /02/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Trình tự thực hiện theo cơ chế một cửa (ngày)				Quyết định công bố danh mục TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh
			Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh/Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện; cấp xã (B1: Tiếp nhận hồ sơ)	Phòng Chuyên môn (B2: Thời gian giải quyết hồ sơ)	Lãnh đạo Sở/Chủ tịch UBND cấp huyện/cấp xã (B3: Ký duyệt hồ sơ)	Phòng Chuyên môn (B4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm PVHCC/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện; cấp xã)	
A	CẤP TỈNH: 55 thủ tục						
I	Lĩnh vực Di sản Văn hóa: 25 thủ tục						
1	Đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	15	0,5	Phòng Quản lý Văn hóa: 11	3	0,5	QĐ 966/QĐ-UBND ngày 09/6/2017
2	Cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương	20	0,5	Phòng Quản lý Văn hóa:16	3	0,5	QĐ 966/QĐ-UBND ngày 09/6/2017
3	Xác nhận đủ điều kiện cấp giấy phép hoạt động đối với bảo tàng ngoài công lập	15	0,5	Phòng Quản lý Văn hóa: 11	3	0,5	QĐ 966/QĐ-UBND ngày 09/6/2017

4	Cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	30	0,5	Phòng Quản lý Văn hóa: 26	3	0,5	QĐ 2691/QĐ-UBND ngày 14/11/2018
5	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	15	0,5	Phòng Quản lý Văn hóa:11	3	0,5	QĐ 2691/QĐ-UBND ngày 14/11/2018
6	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	05	0,5	Phòng Quản lý Văn hóa:2	2	0,5	QĐ 966/QĐ-UBND ngày 09/6/2017
7	Cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	05	0,5	Phòng Quản lý Văn hóa:2	2	0,5	QĐ 966/QĐ-UBND ngày 09/6/2017
8	Cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	05	0,5	Phòng Quản lý Văn hóa:2	2	0,5	QĐ 966/QĐ-UBND ngày 09/6/2017
9	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	15	0,5	Phòng Quản lý Văn hóa:11	3	0,5	QĐ 2691/QĐ-UBND ngày 14/11/2018
10	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	05	0,5	Phòng Quản lý Văn hóa:2	2	0,5	QĐ 2691/QĐ-UBND ngày 14/11/2018
11	Tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật	07	0,5	Phòng Quản lý Văn hóa:4	2	0,5	QĐ 966/QĐ-UBND ngày 09/6/2017
12	Cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ	07	0,5	Phòng Quản lý Văn hóa:4	2	0,5	QĐ 966/QĐ-UBND ngày 09/6/2017
13	Cấp giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu cho các tổ chức thuộc địa phương	04-07	0,5	Phòng Quản lý Văn hóa:2-4	1-2	0,5	QĐ 2986/QĐ-UBND ngày 21/12/2018
14	Thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp, người mẫu	04	0,5	Phòng Quản lý Văn hóa:2	1	0,5	QĐ 966/QĐ-UBND ngày 09/6/2017

15	Cấp giấy phép kinh doanh karaoke	07	0,5	Phòng Quản lý Văn hóa:4	2	0,5	QĐ 2986/QĐ-UBND ngày 21/12/2018
16	Cấp giấy phép kinh doanh vũ trường	10	0,5	Phòng Quản lý Văn hóa:7	2	0,5	QĐ 2986/QĐ-UBND ngày 21/12/2018
17	Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn	05	0,5	Phòng Quản lý Văn hóa:2	2	0,5	QĐ 966/QĐ-UBND ngày 09/6/2017
18	Tiếp nhận thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	15	0,5	Phòng Quản lý Văn hóa:11	3	0,5	QĐ 966/QĐ-UBND ngày 09/6/2017
19	Cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	02	0,25	Phòng Quản lý Văn hóa: 01	0,5	0,25	QĐ 1903/QĐ-UBND ngày 13/8/2018
20	Giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức ở địa phương	10-15	0,5	Phòng Quản lý Văn hóa: 06-11	3	0,5	QĐ 1903/QĐ-UBND ngày 13/8/2018
21	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu	07	0,5	Phòng Quản lý Văn hóa: 04	2	0,5	QĐ 3084/QĐ-UBND ngày 28/12/2018
22	Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu	10	0,5	Phòng Quản lý Văn hóa: 06	3	0,5	QĐ 3084/QĐ-UBND ngày 28/12/2018
23	Thủ tục cho phép tổ chức triển khai sử dụng vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ còn tính năng, tác dụng được sử dụng làm đạo cụ.	05	0,5	Phòng Quản lý Văn hóa: 02	2	0,5	QĐ 966/QĐ-UBND ngày 09/6/2017
24	Cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho các tổ chức	05	0,5	Phòng Quản lý Văn hóa: 02	2	0,5	QĐ 2986/QĐ-UBND ngày

	thuộc địa phương						21/12/2018
25	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm điện ảnh nhập khẩu	45	0,5	Phòng Quản lý Văn hóa: 39	5	0,5	QĐ 3084/QĐ-UBND ngày 28/12/2018
II Lĩnh vực Du lịch: 24 thủ tục							
1	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	10	0,5	Phòng Quản lý Du lịch: 06	3	0,5	QĐ 1316//QĐ-UBND ngày 04/6/2018
2	Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	05	0,5	Phòng Quản lý Du lịch:2	2	0,5	QĐ 1316//QĐ-UBND ngày 04/6/2018
3	Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	05	0,5	Phòng Quản lý Du lịch:2	2	0,5	QĐ 1316//QĐ-UBND ngày 04/6/2018
4	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành	05	0,5	Phòng Quản lý Du lịch:2	2	0,5	QĐ 1316//QĐ-UBND ngày 04/6/2018
5	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể	05	0,5	Phòng Quản lý Du lịch:2	2	0,5	QĐ 1316//QĐ-UBND ngày 04/6/2018
6	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản	05	0,5	Phòng Quản lý Du lịch:2	2	0,5	QĐ 1316//QĐ-UBND ngày 04/6/2018
7	Thủ tục chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	05	0,5	Phòng Quản lý Du lịch:2	2	0,5	QĐ 1316//QĐ-UBND ngày 04/6/2018
8	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại	10	0,5	Phòng Quản lý	3	0,5	QĐ 1316//QĐ-UBND ngày

	điểm			Du lịch:6			04/6/2018
9	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế	10	0,5	Phòng Quản lý Du lịch:6	3	0,5	QĐ 1316//QĐ-UBND ngày 04/6/2018
10	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	7-13	0,5	Phòng Quản lý Du lịch:4-9	2-3	0,5	QĐ 1316//QĐ-UBND ngày 04/6/2018
11	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện	05	0,5	Phòng Quản lý Du lịch:2	02	0,5	QĐ 1316//QĐ-UBND ngày 04/6/2018
12	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy	05	0,5	Phòng Quản lý Du lịch:2	02	0,5	QĐ 1316//QĐ-UBND ngày 04/6/2018
13	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	05-13	0,5	Phòng Quản lý Du lịch: 02-10	02	0,5	QĐ 1316//QĐ-UBND ngày 04/6/2018
14	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	05	0,5	Phòng Quản lý Du lịch:2	2	0,5	QĐ 1316//QĐ-UBND ngày 04/6/2018
15	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	15	0,5	Phòng Quản lý Du lịch:11	3	0,5	QĐ 1316//QĐ-UBND ngày 04/6/2018
16	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội	15	0,5	Phòng Quản lý	3	0,5	QĐ 1316//QĐ-

	địa			Du lịch:11			UBND ngày 04/6/2018
17	Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	10	0,5	Phòng Quản lý Du lịch:6	3	0,5	QĐ 1316//QĐ-UBND ngày 04/6/2018
18	Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	10	0,5	Phòng Quản lý Du lịch:6	3	0,5	QĐ 1316//QĐ-UBND ngày 04/6/2018
19	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20	0,5	Phòng Quản lý Du lịch:16	3	0,5	QĐ 1316//QĐ-UBND ngày 04/6/2018
20	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20	0,5	Phòng Quản lý Du lịch:16	3	0,5	QĐ 1316//QĐ-UBND ngày 04/6/2018
21	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	10	0,5	Phòng Quản lý Du lịch:6	3	0,5	QĐ 1316//QĐ-UBND ngày 04/6/2018
22	Thủ tục Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	05	0,5	Phòng Quản lý Du lịch:2	2	0,5	QĐ 1316//QĐ-UBND ngày 04/6/2018
23	Thủ tục Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	05	0,5	Phòng Quản lý Du lịch:2	2	0,5	QĐ 1316//QĐ-UBND ngày 04/6/2018
24	Thủ tục công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1-3 sao đối với cơ sở lưu trú du lịch (khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch)	05	0,5	Phòng Quản lý Du lịch:2	2	0,5	QĐ 1316//QĐ-UBND ngày 04/6/2018
III	Lĩnh vực Gia đình: 06 thủ tục						
1	Cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ về chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	Không quy	-	Phòng XDNSVH&GD:	-	-	QĐ 966/QĐ-UBND ngày 09/6/2017

		định					
2	Cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	Không quy định		Phòng XDNSVH&GD:	-	-	QĐ 966/QĐ-UBND ngày 09/6/2017
3	Cấp Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	07	0,5	Phòng XDNSVH&GD: 04	2	0,5	QĐ 966/QĐ-UBND ngày 09/6/2017
4	Cấp lại Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	07	0,5	Phòng XD NSVH&GD: 04	2	0,5	QĐ 966/QĐ-UBND ngày 09/6/2017
5	Cấp Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	07	0,5	Phòng XD NSVH&GD: 04	2	0,5	QĐ 966/QĐ-UBND ngày 09/6/2017
6	Cấp lại Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	07	0,5	Phòng XD NSVH&GD: 04	2	0,5	QĐ 966/QĐ-UBND ngày 09/6/2017
B CẤP HUYỆN: 16 thủ tục							
I Lĩnh vực Văn hóa: 10 thủ tục							
1	Thủ tục xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa hàng năm	05	0,5	Phòng Văn hóa-Thông tin:3	1	0,5	QĐ 2961/QĐ-UBND ngày 14/11/2018
2	Thủ tục xét tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa	05	0,5	Phòng Văn hóa-Thông tin:3	1	0,5	QĐ 2961/QĐ-UBND ngày 14/11/2018
3	Công nhận lần đầu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”	10	0,5	Liên đoàn Lao động:6	3	0,5	QĐ 966/QĐ-UBND ngày 09/6/2017
4	Công nhận lần đầu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	05	0,5	Phòng Văn hóa-Thông tin:3	1	0,5	QĐ 966/QĐ-UBND ngày 09/6/2017
5	Công nhận lại “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	05	0,5	Phòng Văn hóa-Thông tin:2,5	2	0,5	QĐ 966/QĐ-UBND ngày

							09/6/2017
6	Công nhận lần đầu “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	05	0,5	Phòng Văn hóa- Thông tin:2,5	2	0,5	QĐ 966/QĐ- UBND ngày 09/6/2017
7	Công nhận lại “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	05	0,5	Phòng Văn hóa- Thông tin:2,5	2	0,5	QĐ 966/QĐ- UBND ngày 09/6/2017
8	Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 1.000 bản đến dưới 2.000 bản	05	0,5	Phòng Văn hóa- Thông tin:1	1	0,5	QĐ 966/QĐ- UBND ngày 09/6/2017
9	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội	20	0,5	Phòng Văn hóa- Thông tin:15	4	0,5	QĐ 2497/QĐ- UBND ngày 29/10/2018
10	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội	15	0,5	Phòng Văn hóa- Thông tin:4,5	2	0,5	QĐ 2497/QĐ- UBND ngày 29/10/2018
II	Lĩnh vực Gia đình: 06 thủ tục						
1	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	30	0,5	Phòng Văn hóa- Thông tin:20	9	0,5	QĐ 966/QĐ- UBND ngày 09/6/2017
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	15	0,5	Phòng Văn hóa- Thông tin:10	4	0,5	QĐ 966/QĐ- UBND ngày 09/6/2017
3	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	20	0,5	Phòng Văn hóa- Thông tin:4,5	2	0,5	QĐ 966/QĐ- UBND ngày 09/6/2017
4	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	30	0,5	Phòng Văn hóa- Thông tin:20	9	0,5	QĐ 966/QĐ- UBND ngày 09/6/2017
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống	15	0,5	Phòng Văn hóa- Thông tin:10	4	0,5	QĐ 966/QĐ- UBND ngày

	bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)						09/6/2017
6	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	20	0,5	Phòng Văn hóa-Thông tin:4,5	2	0,5	QĐ 966/QĐ-UBND ngày 09/6/2017
C	CẤP XÃ: 05						
I	Lĩnh vực Văn hoá: 04 thủ tục						
1	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội	15	0,5	3	1	0,5	QĐ 2497/QĐ-UBND ngày 29/10/2018
2	Thủ tục xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm	05	0,5	3	1	0,5	QĐ 2961/QĐ-UBND ngày 14/11/2018
3	Thủ tục xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa	05	0,5	3	1	0,5	QĐ 2961/QĐ-UBND ngày 14/11/2018
4	Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 500 bản đến dưới 1.000 bản	03	0,5	1	1	0,5	QĐ 966/QĐ-UBND ngày 09/6/2017
II	Lĩnh vực Thể thao: 01 thủ tục						
1	Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	07	0,5	4	2	0,5	QĐ 966/QĐ-UBND ngày 09/6/2017
	TỔNG CỘNG: 76						

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Phụ lục 02
QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ
MỘT CỬA LIÊN THÔNG THUỘC THẨM QUYỀN CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 359 /QĐ-UBND ngày 27 /02/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Tổng số ngày	Trình tự thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông (ngày)						Quyết định công bố danh mục TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh
			Trong đó						
			Cơ quan/ đơn vị chủ trì					Cơ quan/ đơn vị phối hợp (Nêu rõ tên cơ quan/đơn vị)	
			Thời gian giải quyết	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh/ Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện; cấp xã (B1: Tiếp nhận hồ sơ)	Phòng chuyên môn (B2: Thời gian giải quyết hồ sơ)	Lãnh đạo Sở/ Chủ tịch UBND cấp huyện/cấp xã (B3: Ký duyệt hồ sơ)	Phòng chuyên môn (B4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh)		
A	CẤP TỈNH: 61 thủ tục								
I	Lĩnh vực Văn hóa: 22 thủ tục								
1	Cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	30	20	0,5	Phòng Quản lý Văn hóa: 16	3	0,5	VP.UBND tỉnh: 10	QĐ 966/QĐ-UBND ngày 09/6/2017
2	Cấp giấy phép khai quật khảo cổ	03	02	0,25	Phòng Quản lý Văn hóa: 0,5	01	0,25	VP.UBND tỉnh: 01	QĐ 966/QĐ-UBND ngày 09/6/2017

3	Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích	100	40	0,5	Phòng Quản lý Văn hóa: 34	5	0,5	VP.UBND tỉnh: 10; Bộ VH-TT-DL: 40; VPCP: 10	QĐ 966/QĐ-UBND ngày 09/6/2017
4	Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật	100	40	0,5	Phòng Quản lý Văn hóa: 34	5	0,5	40 VP.UBND tỉnh: 10; Bộ VH-TT-DL: 40; VPCP: 10	QĐ 966/QĐ-UBND ngày 09/6/2017
5	Cấp giấy phép phổ biến phim (- Phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình do cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu; - Cấp giấy phép phổ biến phim truyện khi năm trước liền kề, các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương đáp ứng các điều kiện: + Sản xuất ít nhất 10 phim truyện nhựa được phép phổ biến; + Nhập khẩu ít nhất 40 phim truyện nhựa được phép phổ biến)	15	10	0,5	Phòng Quản lý Văn hóa: 06	3	0,5	VP.UBND tỉnh: 05	QĐ 966/QĐ-UBND ngày 09/6/2017
6	Cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (do các cơ sở điện	15	10	0,5	Phòng Quản lý Văn hóa: 06	3	0,5	VP.UBND tỉnh: 05	QĐ 966/QĐ-UBND ngày 09/6/2017

	ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu)								
7	Cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật	07	04	0,5	Phòng Quản lý Văn hóa:2	01	0,5	VP.UBND tỉnh: 03	QĐ 966/QĐ-UBND ngày 09/6/2017
8	Cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng	07-20	03-16	0,5	Phòng Quản lý Văn hóa:01-12	01-03	0,5	VP.UBND tỉnh: 04	QĐ 966/QĐ-UBND ngày 09/6/2017
9	Cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc	07	04	0,5	Phòng Quản lý Văn hóa:02	01	0,5	VP.UBND tỉnh: 03	QĐ 966/QĐ-UBND ngày 09/6/2017
10	Cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam	07	04	0,5	Phòng Quản lý Văn hóa:02	01	0,5	VP.UBND tỉnh: 03	QĐ 966/QĐ-UBND ngày 09/6/2017
11	Cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm	07	04	0,5	Phòng Quản lý Văn hóa:02	01	0,5	VP.UBND tỉnh: 03	QĐ 966/QĐ-UBND ngày 09/6/2017
12	Cấp giấy phép cho phép tổ chức, cá nhân Việt Nam thuộc địa phương ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang	05	2,5	0,25	Phòng Quản lý Văn hóa:01	01	0,25	VP.UBND tỉnh: 2,5	QĐ 966/QĐ-UBND ngày 09/6/2017
13	Cấp giấy phép cho đối tượng thuộc địa phương mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang tại địa phương	05	2,5	0,25	Phòng Quản lý Văn hóa:01	01	0,25	VP.UBND tỉnh: 2.5	QĐ 966/QĐ-UBND ngày 09/6/2017
14	Cấp giấy phép tổ chức thi người đẹp, người mẫu trong phạm vi địa phương	14	09	0,5	Phòng Quản lý Văn hóa:06	02	0,5	VP.UBND tỉnh: 05	QĐ 966/QĐ-UBND ngày 09/6/2017
15	Chấp thuận địa điểm đăng	07	04	0,5	Phòng Quản	01	0,5	VP.UBND	QĐ 966/QĐ-

	cai vòng chung kết cuộc thi người đẹp, người mẫu				lý Văn hóa: 02			tỉnh: 03	UBND ngày 09/6/2017
16	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội	20	15	0,5	Phòng Quản lý Văn hóa: 11	03	0,5	VP.UBND tỉnh: 05	QĐ 2497/QĐ-UBND ngày 29/10/2018
17	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội	15	10	0,5	Phòng Quản lý Văn hóa: 07	02	0,5	VP.UBND tỉnh: 05	QĐ 2497/QĐ-UBND ngày 29/10/2018
18	Công nhận lại “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”	10	07	02 (Nộp tại Liên đoàn Lao động cấp huyện)	Phòng XDNSVH &GD: 03	01	01	VP.UBND tỉnh: 03	QĐ 966/QĐ-UBND ngày 09/6/2017
19	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	10	06	0,5	Phòng Quản lý Văn hóa: 03	02	0,5	VP.UBND tỉnh: 04	QĐ 966/QĐ-UBND ngày 09/6/2017
20	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	10	06	0,5	Phòng Quản lý Văn hóa: 03	02	0,5	VP.UBND tỉnh: 04	QĐ 966/QĐ-UBND ngày 09/6/2017
21	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	10	06	0,5	Phòng Quản lý Văn hóa: 03	02	0,5	VP.UBND tỉnh: 04	QĐ 966/QĐ-UBND ngày 09/6/2017
22	Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 2.000 bản trở lên	03	1,5	0,25	Phòng Quản lý Văn hóa: 0,5	0,5	0,25	VP.UBND tỉnh: 1,5	QĐ 966/QĐ-UBND ngày 09/6/2017
II Lĩnh vực Du lịch: 02 thủ tục									
1	Thủ tục công nhận Khu du lịch	60	45	0,5	Phòng Quản lý Du lịch: 39	05	0,5	VP.UBND tỉnh: 15	QĐ 122/QĐ-UBND ngày

									17/01/2019
2	Thủ tục công nhận điểm du lịch	30	20	0,5	Phòng Quản lý Du lịch: 16	03	0,5	VP.UBND tỉnh: 10	QĐ 1316//QĐ-UBND ngày 04/6/2018
III Lĩnh vực Thể thao: 31 thủ tục									
1	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Yoga	07	04	0,5	Phòng Quản lý TDTT: 02	01	0,5	VP.UBND tỉnh: 03	QĐ 2986//QĐ-UBND ngày 21/12/2018
2	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Golf	07	04	0,5	Phòng Quản lý TDTT :02	01	0,5	VP.UBND tỉnh: 03	QĐ 2986//QĐ-UBND ngày 21/12/2018
3	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Cầu lông	07	04	0,5	Phòng Quản lý TDTT: 02	01	0,5	VP.UBND tỉnh: 03	QĐ 2986//QĐ-UBND ngày 21/12/2018
4	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Taekwondo	07	04	0,5	Phòng Quản lý TDTT: 02	01	0,5	VP.UBND tỉnh: 03	QĐ 2986//QĐ-UBND ngày 21/12/2018
5	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Karate	07	04	0,5	Phòng Quản lý TDTT: 02	01	0,5	VP.UBND tỉnh: 03	QĐ 2986//QĐ-UBND ngày 21/12/2018
6	Cấp giấy chứng nhận đủ	07	04	0,5	Phòng Quản	01	0,5	VP.UBND	QĐ 2986//QĐ-

	điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Bơi, Lặn				lý TDTT: 02			tỉnh: 03	UBND ngày 21/12/2018
7	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Billards & Snooker	07	04	0,5	Phòng Quản lý TDTT: 02	01	0,5	VP.UBND tỉnh: 03	QĐ 2986//QĐ-UBND ngày 21/12/2018
8	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Bóng bàn	07	04	0,5	Phòng Quản lý TDTT: 02	01	0,5	VP.UBND tỉnh: 03	QĐ 2986//QĐ-UBND ngày 21/12/2018
9	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Dù lượn và Điều bay	07	04	0,5	Phòng Quản lý TDTT: 02	01	0,5	VP.UBND tỉnh: 03	QĐ 2986//QĐ-UBND ngày 21/12/2018
10	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Khiêu vũ thể thao	07	04	0,5	Phòng Quản lý TDTT: 02	01	0,5	VP.UBND tỉnh: 03	QĐ 2986//QĐ-UBND ngày 21/12/2018
11	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Thể dục thẩm mỹ	07	04	0,5	Phòng Quản lý TDTT: 02	01	0,5	VP.UBND tỉnh: 03	QĐ 2986//QĐ-UBND ngày 21/12/2018
12	Cấp giấy chứng nhận đủ	07	04	0,5	Phòng Quản	01	0,5	VP.UBND	QĐ 2986//QĐ-

	điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Judo				ly TDTT: 02			tỉnh: 03	UBND ngày 21/12/2018
13	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể dục thể thao tổ chức hoạt động Thể dục thể hình và Fitness	07	04	0,5	Phòng Quản lý TDTT: 02	01	0,5	VP.UBND tỉnh: 03	QĐ 2986//QĐ-UBND ngày 21/12/2018
14	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Lân Sư Rồng	07	04	0,5	Phòng Quản lý TDTT: 02	01	0,5	VP.UBND tỉnh: 03	QĐ 2986//QĐ-UBND ngày 21/12/2018
15	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Võ đạo thể thao giải trí	07	04	0,5	Phòng Quản lý TDTT: 02	01	0,5	VP.UBND tỉnh: 03	QĐ 2986//QĐ-UBND ngày 21/12/2018
16	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Quyền anh	07	04	0,5	Phòng Quản lý TDTT: 02	01	0,5	VP.UBND tỉnh: 03	QĐ 2986//QĐ-UBND ngày 21/12/2018
17	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Võ cổ truyền, Vovinam	07	04	0,5	Phòng Quản lý TDTT: 02	01	0,5	VP.UBND tỉnh: 03	QĐ 2986//QĐ-UBND ngày 21/12/2018

18	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Bóng đá	07	04	0,5	Phòng Quản lý TDTT: 02	01	0,5	VP.UBND tỉnh: 03	QĐ 2986/QĐ-UBND ngày 21/12/2018
19	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Quần vợt	07	04	0,5	Phòng Quản lý TDTT: 02	01	0,5	VP.UBND tỉnh: 03	QĐ 2986/QĐ-UBND ngày 21/12/2018
20	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Patin	07	04	0,5	Phòng Quản lý TDTT: 02	01	0,5	VP.UBND tỉnh: 03	QĐ 2986/QĐ-UBND ngày 21/12/2018
21	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	07	04	0,5	Phòng Quản lý TDTT: 02	01	0,5	VP.UBND tỉnh: 03	QĐ 966/QĐ-UBND ngày 09/6/2017
22	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao	07	04	0,5	Phòng Quản lý TDTT: 02	01	0,5	VP.UBND tỉnh: 03	QĐ 2986/QĐ-UBND ngày 21/12/2018
23	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận	05	03	0,5	Phòng Quản lý TDTT: 01	01	0,5	VP.UBND tỉnh: 02	QĐ 966/QĐ-UBND ngày 09/6/2017
24	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	05	03	0,5	Phòng Quản lý TDTT: 01	01	0,5	VP.UBND tỉnh: 02	QĐ 966/QĐ-UBND ngày 09/6/2017

25	Đăng cai tổ chức Giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	15	10	0,5	Phòng Quản lý TDTT: 06	03	0,5	VP.UBND tỉnh: 05	QĐ 966/QĐ-UBND ngày 09/6/2017
26	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động bắn súng thể thao	07	05	0,5	Phòng Quản lý TDTT: 02	01	0,5	VP.UBND tỉnh: 03	QĐ 2986//QĐ-UBND ngày 21/12/2018
27	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném	07	04	0,5	Phòng Quản lý TDTT: 02	01	0,5	VP.UBND tỉnh: 03	QĐ 2986//QĐ-UBND ngày 21/12/2018
28	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu	07	04	0,5	Phòng Quản lý TDTT: 02	01	0,5	VP.UBND tỉnh: 03	QĐ 2986//QĐ-UBND ngày 21/12/2018
29	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao	07	04	0,5	Phòng Quản lý TDTT: 02	01	0,5	VP.UBND tỉnh: 03	QĐ 2986//QĐ-UBND ngày 21/12/2018
30	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ	07	03	0,5	Phòng Quản lý TDTT: 02	01	0,5	VP.UBND tỉnh: 03	QĐ 2986//QĐ-UBND ngày 21/12/2018
31	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao	07	05	0,5	Phòng Quản lý TDTT: 02	01	0,5	VP.UBND tỉnh: 03	QĐ 122//QĐ-UBND ngày 17/01/2019
III Lĩnh vực Gia đình: 06 thủ tục									
1	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ	30	20	0,5	Phòng XDNSVH	03	0,5	VP.UBND tỉnh: 10	QĐ 966/QĐ-

	trợ nạn nhân bạo lực gia đình				&GD: 16				UBND ngày 09/6/2017
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	15	10	0,5	Phòng XDNSVH &GD:06	03	0,5	VP UBND tỉnh: 05	QĐ 966/QĐ-UBND ngày 09/6/2017
3	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	20	13	0,5	Phòng XDNSVH &GD: 09	03	0,5	VP UBND tỉnh: 07	QĐ 966/QĐ-UBND ngày 09/6/2017
4	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	30	20	0,5	Phòng XDNSVH &GD: 16	03	0,5	VP UBND tỉnh: 10	QĐ 966/QĐ-UBND ngày 09/6/2017
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	15	10	0,5	Phòng XDNSVH &GD: 06	03	0,5	VP UBND tỉnh: 05	QĐ 966/QĐ-UBND ngày 09/6/2017
6	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	20	13	0,5	Phòng XDNSVH &GD:09	03	0,5	VP UBND tỉnh: 07	QĐ 966/QĐ-UBND ngày 09/6/2017
B	CẤP HUYỆN: KHÔNG CÓ								
C	CẤP XÃ: KHÔNG CÓ								

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH